

HỘI VĂN NGHỆ DÂN GIAN VIỆT NAM



D.033044

Nguyễn Tú

VĂN HÓA DÂN GIAN  
QUẢNG BÌNH

TẬP II: LỜI ẪN TIẾNG NÓI

495.9227

V115H

T BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

HỘI VĂN NGHỆ DÂN GIAN VIỆT NAM  
NGUYỄN TÚ

**VĂN HÓA DÂN GIAN  
QUẢNG BÌNH**  
**Tập 2. Lời ăn tiếng nói**

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

**DỰ ÁN CÔNG BỐ, PHỔ BIẾN  
TÀI SẢN VĂN HÓA, VĂN NGHỆ DÂN GIAN  
VIỆT NAM**

(E1, Ngõ 29, Tạ Quang Bửu – Bách Khoa – Hà Nội  
Điện thoại: (043) 627 6439; Fax: (043) 627 6440  
Email: duandangian@gmail.com)

**BAN CHỈ ĐẠO**

- |                               |                       |
|-------------------------------|-----------------------|
| 1. GS. TSKH. TÔ NGỌC THANH    | <i>Trưởng ban</i>     |
| 2. ThS. HUỠNH VĨNH ÁI         | <i>Phó Trưởng ban</i> |
| 3. GS. TS. NGUYỄN XUÂN KÍNH   | <i>Phó Trưởng ban</i> |
| 4. Ông NGUYỄN KIỂM            | <i>Ủy viên</i>        |
| 5. Nhà văn ĐỖ KIM CUÔNG       | <i>Ủy viên</i>        |
| 6. TS. TRẦN HỮU SƠN           | <i>Ủy viên</i>        |
| 7. Nhà giáo NGUYỄN NGỌC QUANG | <i>Ủy viên</i>        |
| 8. ThS. ĐOÀN THANH NÔ         | <i>Ủy viên</i>        |

**GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG DỰ ÁN**

ThS. ĐOÀN THANH NÔ

*Chịu trách nhiệm nội dung:*  
GS.TSKH. TÔ NGỌC THANH

*Thẩm định:*  
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH BẢN THẢO

## LỜI GIỚI THIỆU

Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam (VNDGVN) là một tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp, nằm trong khối Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam.

Quyết định số 82/NV, ngày 01/03/1967 của Bộ Nội vụ thay mặt Chính phủ đã cho phép Hội Văn nghệ dân gian thành lập và hoạt động trên phạm vi toàn quốc và có mối liên hệ nghề nghiệp với các tổ chức khác ở trong nước và nước ngoài.

Tôn chỉ mục đích của Hội là ***“Sưu tầm, nghiên cứu, phổ biến và truyền dạy vốn văn hóa-văn nghệ dân gian các tộc người Việt Nam”***. Trên cơ sở thành quả của các công việc trên, Hội là một trong những đội quân chủ lực góp phần bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa - văn nghệ mang đậm bản sắc dân tộc đã được ông cha ta sáng tạo và giữ gìn trong suốt mấy nghìn năm của lịch sử dân tộc.

Những giá trị sáng tạo đó thể hiện mối quan hệ của các tộc người Việt Nam với thiên nhiên thông qua các tri thức sản xuất nông nghiệp; với xã hội thông qua phong tục tập quán, hội xuân; với nhân sinh quan thông qua các nghi lễ vòng đời người; với vũ trụ và thế giới tự nhiên đã được siêu nhiên hóa thông qua các loại hình tín ngưỡng tôn giáo; với lý tưởng thẩm mỹ thông qua các sáng tạo văn học nghệ thuật. Ở mỗi tộc người Việt Nam, những lĩnh vực và hình thái văn hóa - văn

nghệ này lại được thể hiện trong một sắc thái riêng. Chính kho tàng văn hóa đa dạng đó là nội dung, là đối tượng hoạt động của hội viên Hội VNDGVN.

Sau hơn bốn mươi năm hoạt động, được sự lãnh đạo của Đảng và sự chăm sóc của Nhà nước, Hội VNDGVN đã lớn mạnh với gần 1.200 hội viên. Số công trình do hội viên của Hội đã hoàn thành lên đến gần 5.000 công trình, hiện đang được lưu trữ và bảo vệ tại Văn phòng Hội.

Nay, được sự quan tâm của Ban Bí thư và Thủ tướng Chính phủ, **Dự án “Công bố và phổ biến tài sản văn hóa-văn nghệ dân gian các dân tộc Việt Nam”** đã được phê duyệt. Trong thời gian 10 năm, Dự án sẽ chọn lọc khoảng 2000 công trình trong số bản thảo Hội lưu trữ của hội viên và xuất bản dưới dạng các cuốn sách nghiên cứu, sưu tầm. Trước mắt trong giai đoạn đầu (2008 - 2012), chúng tôi dự định sẽ chọn xuất bản 1.000 công trình.

Hy vọng, các xuất bản phẩm của Dự án sẽ cung cấp cho bạn đọc trong và ngoài nước một bộ sách mang tính chất bách khoa thư về các sắc màu văn hóa của các tộc người Việt Nam, phục vụ thiết thực vào việc tra cứu, mở rộng hiểu biết của bạn đọc về truyền thống văn hóa giàu có và độc đáo đó; góp phần xây dựng nền “Văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Dự án mong nhận được ý kiến chỉ bảo kịp thời của bạn đọc gần xa.

Xin chân thành cảm ơn !

**Trưởng Ban chỉ đạo thực hiện dự án**

GS.TSKH. TÔ NGỌC THANH

## LỜI MỞ ĐẦU

*QUẢNG BÌNH, dải đất hẹp nhất của Tổ quốc, nơi thiên nhiên bày đặt nhiều thử thách nghiệt ngã. Nhưng cũng chính thiên nhiên ban tặng nơi này hình sông thế núi với những nét đẹp ít nơi sánh bằng, và cũng trao tặng cho con người ở đây nhiều phẩm chất và vẻ đẹp hiếm có trong sâu thẳm tâm hồn.*

*Trong suốt chiều dài hàng nghìn năm thăng trầm của lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước, Quảng Bình trở thành vùng đất giao thoa của các nền văn hóa lớn. Phải chăng, chính điều này làm nên sắc thái đặc trưng của nền văn hóa quê hương xứ sở?*

*Nhà nghiên cứu văn hóa và văn nghệ dân gian Nguyễn Tú (1920 - 2006), người con của xứ cát Bào Ninh (Đồng Hới), bậc lão thành cách mạng, hội viên Hội Văn nghệ Dân gian Việt Nam, hội viên Hội Văn học Nghệ thuật Quảng Bình, đã dồn hết tâm huyết của gần trọn 30 năm cuối đời cho công việc sưu tầm, nghiên cứu và biên soạn trên chục đầu sách về địa chí các làng xã, về nước non và lịch sử, về các nhân vật từng ghi dấu ấn trên mảnh đất*

gian lao mà anh dũng này. Đặc biệt, bộ sách Văn hóa dân gian Quảng Bình dày hơn một nghìn trang đang có trong tay bạn là công trình mà khi đặt được dấu chấm cuối cùng của trang bản thảo cuối cùng, thì tác giả cũng trút hơi thở cuối cùng, như thể người cố làm cho xong công việc của thế giới này để kịp về với thế giới bên kia, khi chưa nhìn được mặt đứa con tinh thần cuối cùng này của mình.

Được Tỉnh ủy ủng hộ và Ủy ban nhân dân tỉnh tài trợ, Hội Văn học Nghệ thuật Quảng Bình đứng ra xuất bản công trình nghiên cứu văn hóa to lớn này của cụ Nguyễn Tú, với một niềm mong mỏi, trước hết trả ơn nghĩa với bậc sinh thành tác phẩm, sau gìn giữ và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc của quê hương với mỗi người dân trong công cuộc đổi mới, hội nhập và phát triển hôm nay.

Công trình Văn hóa dân gian Quảng Bình (đã được Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam tặng giải nhì) gồm 4 tập. Tập 1: "Địa danh". Tập 2: "Lời ăn tiếng nói". Tập 3: "Phong tục tập quán". Tập 4: "Văn học dân gian". Trước mỗi tập đều có lời nói đầu của tác giả nhằm khái quát nội dung và giới hạn vấn đề. Người nghiên cứu, người tìm hiểu, người giảng dạy, người học tập và người vận dụng trong thực tiễn đều tìm được ở công trình này những điều mới mẻ, bổ ích và lý thú...

Chúng tôi xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc gần xa công trình Văn hóa dân gian Quảng Bình của cụ Nguyễn Tú, và mong độc giả đón nhận nó như đón nhận tấm lòng hết thảy vì quê hương của Cụ trước lúc đi xa...



*Vì công trình quá lớn và đòi hỏi độ chính xác cao, việc in  
ấn chắc không tránh khỏi những sai sót mặt này mặt kia, kính  
mong linh hồn cụ Nguyễn Tú và bạn đọc rộng lòng tha thứ.*

Đồng Hới, ngày 02 tháng 6 năm 2007

**Nhà văn HỮU PHƯƠNG**

**Chủ tịch Hội VHNT Quảng Bình**



## LỜI NGỎ

*Kính thưa độc giả tôn kính!*

*Từ mấy năm nay, tôi có sưu tầm và biên soạn một số địa chỉ và truyện cổ của quê hương, Quảng Bình. Tôi vốn là người dân biển đi theo Cách mạng, chưa kinh qua các lớp học tập về văn chương chữ nghĩa, không đủ học vấn để hiểu về văn hóa, lịch sử theo nghĩa nhìn xa trông rộng, biết vậy mà vì nặng lòng với quê hương bốn xứ, quý trọng những sáng tạo của tổ tiên, lại vâng lời một bậc cao nhân đã dạy rằng: "mình không sáng tạo được gì cho quê hương xứ sở thì mình cố gắng gìn giữ những gì mà cha ông đã sáng tạo ra, thế cũng là làm được nhiệm vụ người con của xứ sở, quê hương...".*

*Vì vậy, tôi lần mò đi vào tìm kiếm và tự thấy nhiều khi rơi vào cảm giác "lực bất tòng tâm", bởi vì những sáng tạo của cha ông mà nhân dân đang còn lưu giữ to lớn lắm, không lồ lắm, sức mình không sao nhận biết hết được, lĩnh hội hết được.*

*Và không ít lần đã quyết định thôi không dám cầm bút nữa, trở về với nghiệp "mò ngao, bắt tép" an phận thủ thường. Nhưng rồi vẫn lại bị cái tâm nguyện ở trong lòng day dứt.*

*Với sự hiểu biết từ góc độ là người dân bản địa, chỉ góp thêm cho các nhà nghiên cứu, các nhà khoa học tư liệu về Quảng Bình nhằm lưu giữ những nét đẹp văn hóa của một vùng đất nắng, gió nhưng giàu truyền thống cách mạng và giàu bản sắc.*

*Như đã mạn phép trình bày ở phần trên, việc tìm tòi, tập hợp có nhiều hạn chế, rất mong được bạn đọc thứ lỗi và bổ sung đóng góp thêm. Có lẽ để đạt được những kết quả như mong ước thì cần phải có thêm một lực lượng đông đảo cùng tham gia tìm tòi và nghiên cứu, mà tôi chỉ là một cá nhân.*

**NGUYỄN TÚ**

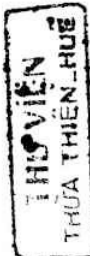
## KHÁI QUÁT CHUNG

Nhìn chung người Quảng Bình vẫn ăn nói như mọi người Việt Nam trong cả nước, tuyệt đại bộ phận đều theo lời ăn tiếng nói phổ thông.

Tuy nhiên, tiếng nói Quảng Bình được các nhà ngôn ngữ học xếp vào phương ngữ Bình Trị Thiên, nằm trong phương ngữ Bắc Trung Bộ.

Về phong cách biên soạn địa phương chí, chúng tôi không và cũng không đủ sức chuyên sâu về ngôn ngữ học, mà chỉ chú trọng đến thực trạng về lời ăn tiếng nói của người Quảng Bình hiện có. Nói cách khác là, chúng tôi không phân định, đề cập đến ngữ pháp, đến chính tả v.v... mà chỉ trình bày tiếng nói Quảng Bình nói như thế nào so với tiếng phổ thông mà thôi.

Như bạn đọc đều biết, Quảng Bình trải qua nhiều hoàn cảnh lịch sử đặc biệt, chẳng hạn như hoàn cảnh phân tranh giữa hai họ Trịnh - Nguyễn khá dài đã ảnh hưởng đến văn hoá của mảnh đất này, do đó lời ăn tiếng nói ở hai vùng Trịnh - Nguyễn cai quản cũng không giống nhau. Còn trong quá trình lịch sử khai thiết, Quảng Bình xưa kia còn có thời kỳ thuộc Chiêm Thành, trải qua nhiều đợt di dân lập ấp từ



D. 035044 / 2010

ngoài Bắc vào, cũng như nhiều cuộc chiến tranh xảy ra mà sự chà đi xát lại, sự chiếm đóng rồi giải phóng, tự do rồi bị xâm lược v.v... thì đời nào cũng có. Khi còn là đất ngoại biên Quảng Bình thời xa xưa ấy vốn có tiếng là đất rộng người thưa, đường sá đi lại khó khăn, cuộc sống của cư dân nông nghiệp rất tĩnh, lời ăn tiếng nói ít biến động, nhiều tiếng, nhiều lời rất cổ đến nay vẫn còn; việc ăn nói khác nhau không những về giọng, về dấu, mà có khi khác cả từ vựng.

Ví dụ: Người Quảng Bình không phân biệt giữa *d* và *gi* (*già: ông già*, cũng có nơi nói *dà*; *giấu giếm* cũng viết và nói *dấu diếm* v.v...)

Hoặc có những lời nói khác với tiếng phổ thông nhưng lại cùng một nghĩa, ví như: *Vùng* tiếng phổ thông là *mè* của tiếng Quảng Bình, đều là hạt vùng cà, *vợ chồng* với *cây đông*, *cưới* với *sân*, *côi* với *trên*, *em* với *tam* v.v... đều là khác lời mà chung nghĩa, nói như các cụ đồ thường nói là đồng nghĩa dị âm; ngược lại, có trường hợp cùng lời với tiếng phổ thông, hoặc cùng lời với ngay cả tiếng Quảng Bình mà vẫn khác nghĩa, ví dụ như "*bê*" thì tiếng Quảng Bình nghĩa là bê trê hoặc bò bê, mà tiếng phổ thông *bê* có nghĩa là *mang*, *xách* từ nơi này sang nơi nọ, hoặc *bê* là con bò con mới sinh, còn nhỏ; đồng thời, trong tiếng Quảng Bình *bê* còn có nghĩa là trôi dạt, là đập, là nện trên bề mặt cho láng, cho bằng phẳng.

Tuy vậy, những sự khác lời, khác nghĩa này cũng không nhiều, nó chỉ xảy ra ở một số vùng đặc biệt như người miệt Nguồn huyện Minh Hoá, hoặc người vùng nam

Đèo Ngang huyện Quảng Trạch, mà, sự khác nhau giữa tiếng Quảng Bình và tiếng phổ thông chỉ gặp nhiều ở sự biến âm và sự khác dấu.

Ví dụ, những phụ âm đầu sau đây, do chệch giọng mà có:

Phụ âm đầu: *Nh* nói thành *L*: hoa nhài: hoa lài; nhạt nhẽo: lạt lẹo. *Nh* nói thành *d/gi*: (nhân sắc: đan sắc; nhãn hiệu: dẫn hiệu; nhạy cảm: dạy cảm; nhãn nhéo: dẫn đeo) v.v...

Phụ âm đầu: *D/gi* nói thành *R*: (dự bị: rự bị; quả dừa: quả rừa; dựng xây: rựng xây; dựa dẫm: rựa rẫm v.v...).

Phụ âm đầu: *Tr* nói thành *T* (nhất là người miền biển): (trăng: tãng; tre: te; trời: tời; trèo: tèo v.v...).

Phụ âm đầu: *S* nói thành *Th* (nhất là người miền biển): (sao: thao; sông: thông; khẩu súng: khẩu thủng; sung sướng: thung thướng v.v...).

Phụ âm cuối: *T* nói thành *C*. (bát: bác; hát: hác; hết: héc/hééc; giết: giéc; biết: biéc; lá lốt: lá lôóc).

Phụ âm cuối *N* nói thành *Ng*: (bè bạn: bè bạng; hạn chế: hạng chế; ương hèn: ương hèn; cá ương: cá ương; đan lưới: đang lái; chén bát: chéng/chéng bác; loan phượng: loang phượng).

Nói chệch một số vần, hoặc kéo dài nguyên âm.

Ví dụ: *ê* thành *êêc*: (mệt: mêêc; aac thành aác: bạc ác thất nhơn = baac aác thất đơn. Đặc biệt là nguyên âm *o* và *ô*, ví dụ: on = oong; ong = oong, như con ong = coon oong; chon von = choon voon; Sài Gòn: Sài Goòng; thịt hon = thịt hoong; hoặc như: ông ngoại = ôông ngoại; không biết =

không biết; ôn = ông; bôn ba = bông ba; Đốc Dôn (địa danh): Đốc Dôn; chiếc nóc (thuyền) = chiếc nóc; con ốc = con ốc, hay như ôt = ôôt.

Ví dụ: khóc lóc: khoác loác; bòn mót: bông móóc hoặc boòn móót; ngốc ngếch: ngôốc nghêéc/ nghêét.

Một số vần khác như:

- *Anh* nói thành *eng*; Ví dụ: xanh mặt: xeng mặt; anh em: eng tam; bánh chưng: béng chưng; tránh né: tréng né; vòng quanh: vòng queng; hôi tanh: hôi teng v.v...

- *Ênh* nói thành *êng*; Ví dụ: bệnh vực: bêng vực; lênh đênh: lêng đêng.

- *Ênh* thành *inh*; Ví dụ: bị bệnh: bị bịnh; mệnh mông: minh mông; ra lệnh: ra lịnh.

- *Ung, âng* nói thành *ong/ông*; Ví dụ: mừng rỡ: mông/mờng rỡ; bung dạn: bương dạn; đưng: đơng/đơng; nâng niu: nương niu; đôi quàng mắt: đôi quờng mắt.

- *Ach* và *et* nói thành *eec*; Ví dụ: lau lách: lau leéc; tay xách nách mang: tay xeéc neéc mang; vạch đường: veéc đường; trách đất, trách rang: treéc đất, treéc rang; chim khách: chim kheéc.

- *Êch* nói thành *êéc*; Ví dụ: ếch nhái: êéc nhái; hếch mỏ (miệng): hêéc mỏ.

- *Ôn* nói thành *uun*; Ví dụ: khôn khéo: khuun khéo; hôn hít: huun hít; lỗ rún: lỗ ruún/tuún.



- *Âu* nói thành *u*; Ví dụ: cậu mợ: cù mợ; trái bầu: trái bù; củ nâu: củ nu; sông sâu: sông su; nằng dâu: nằng du v.v...

- *Ôi* nói thành *ui*; Ví dụ: tôi với anh: tui với eng; môi: mui. (*Mình về mình có nhớ tôi, tôi về tôi nhớ cái môi mình cười: miềng về miềng có dớ tui, tui về tui dớ cái mui miềng cười*); chôi đót: chui đót v.v...

- *Ai* nói thành *ây*; Ví dụ: con gái: con gầy; trái bầu: trái bầy; cái nhà: cây nhà; đi đái (tiểu tiện): đi đầy.

Về phụ âm đầu còn có một số dạng khác nữa, như:

- *V* thì nói ra *b*; Ví dụ: vú: bụ; vun (đầy vun): bun (đầy bun); vá áo: bá áo; vá vào mồm: bà vô miệng.

- *V* nói thành *ph*; Ví dụ: bị bóng nước sôi: bị phồng nác sôi; bập bều: phập phều (trôi nổi, vừa trôi vừa nổi, lênh bênh).

- *D* nói thành *đ*; Ví dụ: da thịt: đa thịt; dai dèo: dai đèo.

- *D* nói thành *th*; Ví dụ: đồ dành: thổ đèng; dè dẹ: thè the (tức là nhẹ nhẹ).

- *C* nói thành *n*; Ví dụ: đóng vai cái cọc: đóng vai cái nọc; cạy: nạy (*cạy nắp hòm: nạy nắp hòm*).

- *Gi* nói thành *tr*; Ví dụ: con giun: con trùn; ông già: ông tra; chính giữa: chính trừa; già giặn: tra trấn, (người miền biển nói ta tăng).

- *S* nói thành *r*; Ví dụ: sờ mó: rờ mó; sờn gáy: rợn oát.

- *Gi* nói thành *ch*; Ví dụ: rau giền: rau chên; giường nằm: chòng nằm; giỡn: chợn.

- *V* nói thành *ch*; Ví dụ: ăn vụng: ăn chùng; một vuông vải: một chuông vải.

- *G* nói thành *kh*; Ví dụ: ai biết ngựa chõ nào mà gãi: ai biết ngá chõ mô mà khải; có sừng có mỏ thì gõ lấy nhau: có từng có mọ thì khò lấy chắc.

Ngoài ra, người Quảng Bình, đặc biệt là người hai huyện Quảng Ninh, Lệ Thủy và thị xã Đồng Hới, cũng như người miền biển, đại đa số không phân biệt được dấu hỏi, dấu ngã và thường nói dấu ngã thành dấu nặng. Ví dụ: bã trầu: bạ trầu; gió bão: gió bạo; ăn bữa mai lo bữa chiều: ăn bữa mai lao bữa hôm; một mẩu ba sào; một mẩu ba trào v.v...

Không những nói chệch ngã (~) ra nặng (.) mà cũng đôi khi nói dấu hỏi (?) ra dấu (.); Ví dụ: cửa nhà: cựa nhà; trắng cát: trạng cát; xạo: xạo; bại hoại cả tay chân: bại hoại cả tay chun.

Một số trường hợp nhầm lẫn giữa dấu sắc với dấu nặng (.) nữa; Ví dụ: miếu thần hoàng: miếu thần hoàng; sâu róm: sâu róm; gốc cây: gộc cơn;... lại cũng không thiếu trường hợp nói dấu sắc ra dấu hỏi; Ví dụ: bóng đèn: bông đèn; há miệng: hà mệng.

Thực trạng lời ăn tiếng nói Quảng Bình trên đây là những gì về tiếng nói địa phương khác với tiếng nói phổ thông của cả nước nói chung.

Sự khác biệt ấy, dĩ nhiên là gây khó hiểu với khách ngoại tỉnh khi đến thăm hoặc đến làm việc với Quảng Bình;

thể nhưng, lời ăn tiếng nói Quảng Bình cũng có những nét đẹp, nét hay riêng. Đó là một trong những phong cách ăn nói của người Quảng Bình. Trong các phong cách ăn nói đó, nổi lên một nét đặc biệt mà ai ai cũng dễ cảm nhận, dù là mới gặp lần đầu, đó là tính “hài”, chất “vui”, cách “trạng” trong lời ăn tiếng nói Quảng Bình.

Dưới đây, chúng tôi chỉ xin nêu một phong cách hài hước kỳ lạ của một làng quê nổi tiếng là làng học, làng nghề, làng thợ, làng vua, làng trạng. Đó là làng Hoà Ninh thuộc huyện Quảng Trạch (nay là xã Quảng Hoà), và trong phạm vi sách này, chúng tôi chỉ giới thiệu tính chất “hài” trong lời ăn tiếng nói của làng đó.

Tính chất và phong cách hài hước của người Hoà Ninh gần như là đặc tính chung của cả cộng đồng làng xã đó, diễn ra hàng ngày trong mọi trường hợp ăn nói của họ.

Cứ gặp người Hoà Ninh, nghe họ nói chuyện với chúng ta, hoặc nghe họ nói chuyện với nhau, chúng ta sẽ tự thấy vui vui trong lòng, có cảm tình ngay với họ, mến họ ngay. Họ thường chẻ ngôn từ ra thành hai âm, âm trước là tiếng nói thực của lời muốn nói, âm sau là âm “iếc”.

Ví dụ: đi học đi hiệc; đi thi đi thiếc; mời khách mời khiếc; hoặc: ăn iếc; nói niếc; chơi chiếc; nghe nghiếc.

Nhưng, cái lối “nói niếc” của người Hoà Ninh còn vui hơn, còn dễ thương hơn, khi họ có một công thức trả lời mọi câu hỏi của mọi người là: thêm vào câu đáp một thành ngữ kỳ lạ: “rửa thời ro”.

Hẳn là bạn đọc cũng như chúng tôi, không thể hiểu “rứa thôi ro” là gì, ngụ ý gì, nhưng sau khi nghe, bạn cũng sẽ tự thấy vui vẻ mà không cần bạn tâm tìm hiểu ý chủ nhân câu nói muốn nói gì với ta, hoặc nói gì với bạn.

Ví dụ: Hỏi: Bữa ni đông ở già, không đi chơi mô à?

Đáp: Biết chơi chiếc với ai mô, đặng ở già *rứa thôi ro!*

Thực trạng lời ăn tiếng nói Quảng Bình là vậy, xin mời bạn đọc tìm hiểu thêm chi tiết ở các phần sau.